

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ LOGISTICS DNS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ LOGISTICS DNS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DNS LOGISTICS SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DNS LOGISTICS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110648403

3. Ngày thành lập: 13/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32, ngõ 160 đường Ngọc Trì, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868927897

Fax:

Email: tuyenvm@bkis.edu.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động; + Các loại cửa tự động; + Hệ thống đèn chiếu sáng; + Hệ thống hút bụi; + Hệ thống âm thanh; + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn như: - Bán buôn rượu mạnh; - Bán buôn rượu vang; - Mua rượu vang ở dạng thùng rồi đóng chai mà không làm thay đổi thành phần của rượu; - Rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng); - Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;	4652

23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Mua bán trang thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
29.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
30.	Trồng cây hàng năm khác	0119
31.	Trồng cây ăn quả	0121
32.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
34.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
35.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
36.	Chăn nuôi khác (Trừ loại Nhà nước cấm)	0149
37.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	0150
38.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

39.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
40.	Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)	0220
41.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
42.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
43.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
44.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
45.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
46.	Dịch vụ đóng gói	8292
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác xuất nhập khẩu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
48.	Đào tạo trung cấp	8532
49.	Đào tạo đại học	8541
50.	Đào tạo thạc sỹ	8542
51.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Giáo dục dự bị; các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính; - Dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại	8559
52.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
53.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu	9000
54.	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc Chi tiết: Hoạt động của các đại lý xổ số	9200
55.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
56.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí	9329
57.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
58.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

59.	Lập trình máy vi tính	6201
60.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
61.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
62.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
63.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
64.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ Các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
65.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)	6619
66.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
67.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
69.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)	7020
70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Kiểm định xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Dịch vụ tư vấn đấu thầu ; - Dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, quan trắc công trình xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng ; - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110

71.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
74.	Quảng cáo	7310
75.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
76.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
77.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; tư vấn chứng khoán)	7490
78.	Cho thuê xe có động cơ	7710
79.	Bán buôn tổng hợp	4690
80.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
81.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)	4719
82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
83.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
84.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
85.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
86.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
87.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
88.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
89.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
91.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
92.	In ấn	1811
93.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
94.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
95.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
96.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
97.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
98.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
99.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395

100.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
101.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
102.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
103.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
104.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
105.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
106.	Sản xuất đồng hồ	2652
107.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
108.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
109.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
110.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
111.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
112.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
113.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
114.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
115.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
116.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
117.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
118.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
119.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
120.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
121.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
122.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
123.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
124.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
125.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
126.	Sản xuất máy luyện kim	2823
127.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
128.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
129.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
130.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
131.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
132.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781

133.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
134.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
135.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
136.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
137.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
138.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
139.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
140.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
141.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
142.	Vận tải đường ống	4940
143.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
144.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
145.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
146.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
147.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu)	5222
148.	Bốc xếp hàng hóa	5224
149.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
150.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229(Chính)
151.	Bưu chính	5310
152.	Chuyển phát	5320
153.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
154.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Trừ hoạt động của phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5610

155.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ hoạt động của phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5630
156.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
157.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ sản xuất phim truyền hình; chương trình truyền hình thời sự - chính trị)	5911
158.	Hoạt động hậu kỳ	5912
159.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
160.	Hoạt động viễn thông khác	6190
161.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
162.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
163.	Đại lý du lịch	7911
164.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh lữ hành quốc tế - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990
165.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
166.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
167.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
168.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
169.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
170.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
171.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
172.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

173.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
174.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
175.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
176.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
177.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
178.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
179.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
180.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
181.	Thu gom rác thải độc hại	3812
182.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
183.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
184.	Tái chế phế liệu	3830
185.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
186.	Xây dựng nhà để ở	4101
187.	Xây dựng nhà không để ở	4102
188.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
189.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
190.	Xây dựng công trình điện	4221
191.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
192.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
193.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
194.	Xây dựng công trình thủy	4291
195.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
196.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
197.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
198.	Phá dỡ (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4311
199.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
200.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
201.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
202.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
203.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
204.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
205.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

206.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
207.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
208.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
209.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
210.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
211.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
212.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Cơ sở bán lẻ thuốc ; - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh)	4772
213.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hoá phục vụ mục đích tín người khác; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ phân bón	4773

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VI MANH TUYẾN	Việt Nam	Tổ dân phố 2 Ái Mỹ, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	40.000.000	1,000	001097001179	
2	PHẠM VĂN DƯƠNG	Việt Nam	Phòng 912 Nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.960.000.000	99,000	035083006738	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VI MẠNH TUYẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/11/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001097001179

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 2 Ái Mỹ, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 2 Ái Mỹ, Phường Trung Hưng, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội